

Unit 3: Let's find Mom! (Chúng ta hãy tìm mẹ!)

1. Từ vựng Lesson one

1. mom : mẹ (mâm)
2. dad : ba (đát)
3. sister : chị gái, em gái (xít ơ)
4. brother : anh trai, em trai (bró đơ)

Game 1 😊 Game 2 😊 Game 3 😊 Game 4 😊

Game 5 😊 Game 6 😊

2. Từ vựng, mẫu câu Lesson two

- The ice cream is **on** its face: Cây kem thì **ở trên** mặt của nó (đi ai x cream ix **on** it x phây x)
- Their bags are **under** the slide: Những cái giỏ của họ thì **ở dưới** cầu trượt (đi bát xa **án đơ** đồ x lai)
- Our toys are **in** the kitchen: Những đồ chơi của chúng tôi thì **ở trong** phòng bếp (ao thoi xa **in** đồ hít chon)

its: của nó
their: của họ
our: của chúng tôi, của chúng ta

on: ở trên
under: ở dưới
in: ở trong

3. Từ vựng Lesson three

- aunt : cô, dì, thím, mẹ (an t)
- uncle : chú, bác, cậu (ấn khô)
- cousin : anh / chị / em họ (khớ gian)

Game 1 😊 Game 2 😊 Game 3 😊 Game 4 😊

Game 5 😊 Game 6 😊

4. Từ vựng Lesson four

1. egg : quả trứng (ét)
2. elephant : con voi (é li phon t)
3. fan : cây quạt (phan)
4. fig : trái sung (phit)

Game 1 😊 Game 2 😊 Game 3 😊 Game 4 😊

Game 5 😊 Game 6 😊